



KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT  
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TÙNG: 10 MÉT

RID ... 1,000 METER UTM: ZONE 49 (BLACK NUMBERED LINES)  
 REJECTION..... TRANSVERSE MERCATOR  
 VERTICAL DATUM..... MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIẾN  
 HORIZONTAL DATUM..... INDIAN DATUM 1960

REFER CORRECTIONS THIS MAP TO COMMANDING OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D.C.  
 KIN GỒI NHỮNG SỰ SỬA ĐỔI TRONG BẢN ĐỒ NÀY ĐẾN NHÀ ĐỊA-DƯ QUỐC GIA, ĐÀ-LẠT, VIỆT-NAM

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE  
 RANH GIỚI HÀNH-CHÍNH TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ PHẠC-HOẠ VỚI TÍNH-CÁCH ĐẠI-CƯƠNG

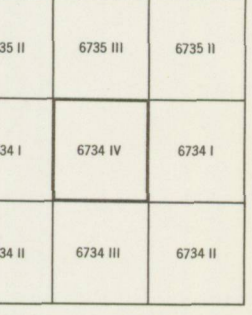
RANH GIỚI HÀNH-CHÁNH TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ PHÁC-HỌA VỚI TÍNH-CÁCH ĐẠI-CƯƠNG

GLOSSARY—CÒ-TŨ

B., Ban.....village

B., Ban.....village  
Ea.....stream  
Chu.....mountain

ADJOINING SHEETS  
BẢNG RÁP ĐỊA-ĐỒ



HIGH  
MEDIUM  
LOW

LOW

---

GRID ZONE DESIGNATION  
MỆNH-DANH BẢNG SỔ TRONG KHU K

GRID ZONE DESIGNATION  
MÃNH DANH BẢNG SỐ TRONG KHU K

49P

100,000 M. SQUARE IDENTIFICATION  
CHỈ ĐỊNH Ồ VUÔNG TÍNH 100,000

49P  
100,000 M. SQUARE IDENTIFICATION  
CHỈ ĐỊNH Ở VUÔNG TÊN 100,000

|  |    |
|--|----|
|  | BQ |
|--|----|

**BQ**

IGNORE the SMALLER figures of any group

IGNORE the SMALLER figures of any grid these are for finding the full coordinates. the LARGER figures of the grid number:  
Nhớ con số nhỏ chỉ dùng để ghi tọa độ to.  
Chỉ dùng những con SỐ LỚN của số

these are for finding the full coordinates.  
the **LARGER** figures of the grid number:  
Nhớ con số nhỏ chỉ dùng để ghi những bộ.  
Chỉ dùng những con số **LỚN** của số  
vuông:  
Example: Thí dụ: 1411000

Example: Thí dụ: 1411000

BAN

BAN

BAN M'GÂM, VIETNAM STOCK NO. 1701467344